

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN MINH HOÁ**  
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 81/2021/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Minh Hoá, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: chị Đinh Thị G; sinh năm 198\*

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: anh Đinh N; sinh năm 198\*

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị G và anh Đinh N.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị G và anh Đinh N thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: chị G và anh N nhất trí giao 03 cháu Đinh Nữ Khánh U, sinh ngày 15/9/2016; cháu Đinh Minh T, sinh ngày 14/4/2007 và cháu Đinh Đức D, sinh ngày 21/7/2005 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000đồng/con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về quan hệ tài sản chung và khoản vay nợ chung: chị Giang và anh Nguyễn tự thỏa thuận phân chia tài sản và khoản vay nợ chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau:

2.3.1. Về tài sản chung: chị G được quyền sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ số 31, diện tích 7734,4m<sup>2</sup>, địa chỉ: thôn Tiến Hóa 2, xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 549274) và số cây keo trên diện tích đất 7734,4 m<sup>2</sup> có trị giá khoảng 20.000.000đồng; chị G được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát: 73C1-130.74 trị giá 34.000.000 đồng.

Anh N được quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ 31, diện tích 37583m<sup>2</sup>, địa chỉ: đồi 81, thôn Tiến Hóa 2, xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 643267) và số cây keo trên diện tích đất 37583m<sup>2</sup> trị giá khoảng 50.000.000 đồng; anh Ng được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát: 73C1 – 045.37 trị giá 8.000.000 đồng.

2.3.2. Về khoản vay nợ chung: chị G và anh N nhất trí chia đôi khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 50.000.000 đồng. Anh N và chị G mỗi người sẽ trả số tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi phát sinh.

2.4. Về án phí:

Chị G và anh N không phải chịu án phí đối với việc phân chia tài sản chung do đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải theo quy định tại điểm d, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị G và anh N mỗi người chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị G và anh N thỏa thuận chị G chịu 150.000 đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa số tiền 300.000 đồng theo biên lai số: AAA/2017/0004469 ngày 22/6/2021. Chị Giang được trả lại 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Đình N phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện MH;
- THADS huyện MH;
- UBND xã Hóa Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Đình Đức Cảnh**